

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2020

V/v tranh chấp ly hôn  
và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VINH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Thái Hồng Oanh

Ông Trần Văn Ân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Đinh Thị Kim D, sinh năm 1988.(Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: ấp B1, xã N1, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 20/5/2020, nguyên đơn chị Đinh Thị Kim D trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh T thành hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long ngày 18/10/2012. Thời gian vợ chồng chung sống gần 09 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T không có trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung,

thường xuyên ăn chơi về đánh đập chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung, vợ chồng chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Thiện A, sinh ngày 24/4/2017 hiện đang sống chung với chị. Chị D yêu cầu được nuôi 02 con, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/01 con đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung chị D không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là anh Nguyễn Minh T. Đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng phía anh T không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Minh T tại phiên toà hôm nay.

Tại bản khai trình bày ý kiến ngày 20/5/2020 cháu Nguyễn Thị Anh T1 trình bày: Nguyễn vọng con muốn được sống với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 10/7/2020 bà Nguyễn Thị Diệu S là cô ruột của anh Nguyễn Minh T, hiện cư trú cùng hộ khẩu anh T trình bày: Thời gian vợ chồng anh T sống chung thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau do anh T không chí thú làm ăn. Hàng ngày, anh T đi làm chỉ đủ tiền tiêu xài cá nhân, không phụ D chi phí nuôi con. Khoảng tháng 5/2020 vợ chồng anh T cãi vã nhau nhưng không có đánh đập nhau, chị D đi làm để 02 con ở nhà cho bà chăm sóc. Anh T thường xuyên không ở nhà, đi đâu làm gì bà không biết. Nếu Tòa án giao con cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, bà sẽ phụ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu nhưng bà đã già không có nguồn thu nhập và hiện tại bà đang chăm sóc, nuôi dưỡng cha của T bị bệnh nằm 01 chỗ, từ số tiền của chị anh T ở nước ngoài gửi về.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Đinh Thị Kim D trình bày: Đơn khởi kiện chị có yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/01 con nhưng anh T từ trước đến nay không chí thú làm ăn, không phụ chị chi phí nuôi con trong thời gian sống chung. Hiện tại anh T thường xuyên ăn chơi không có nguồn thu nhập ổn định nên chị xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, chị đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không

tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến là không tuân thủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Đinh Thị Kim D được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Thiện A, sinh ngày 24/4/2017 cho chị Đinh Thị Kim D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Kim D có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Kim D và anh Nguyễn Minh T thành hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long ngày 18/10/2012 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống, chị Đinh Thị Kim D và anh Nguyễn Minh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T không chí thú làm ăn, thường xuyên đánh đập chị D việc này bà S là cô ruột hiện sống chung nhà với anh T cũng xác định. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn đến tham gia hòa giải nhằm giúp đỡ chị D, anh T đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Đinh Thị Kim D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa chị Đinh Thị Kim D và anh Nguyễn Minh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Thiện A, sinh ngày 24/4/2017 hiện đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được tiếp tục

nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: thời gian chị D, anh T sống chung, anh T không chí thú làm ăn, thường xuyên ăn chơi, không phụ chị D chi phí chăm sóc nuôi dưỡng con. Mặc khác, anh T đã được thông báo về nội dung khởi kiện của chị D nhưng anh T không có ý kiến phản đối về việc chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con. Đồng thời, cháu Nguyễn Thị Anh T1 có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Thiện A, sinh ngày 24/4/2017 cho chị Đinh Thị Kim D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Đinh Thị Kim D là người đang trực tiếp nuôi con nhưng chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Đinh Thị Kim D và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đinh Thị Kim D có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Kim D ly hôn với anh Nguyễn Minh T

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Thiện A, sinh ngày 24/4/2017 cho chị Đinh Thị Kim D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Đinh Thị Kim D có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ

vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016129 ngày 20/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị D đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Nga**